

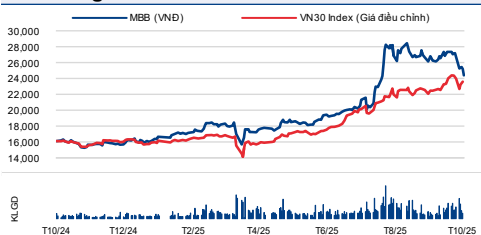
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ29,600
Tiềm năng tăng/giảm: 21.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (24/10/2025)	24,400
Mã Bloomberg	MBB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	15,111-28,450
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	25,120
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	196,543
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	7,472
Sig CP lưu hành (tr.đv)	8,055
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,933
Sig CP NN được mua (tr.đv)	40.0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	24.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	23.5%
Tỷ lệ freefloat	51.3%
Cổ đông lớn	Viettel (19.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	1,129	1,420	1,838
Dư nợ cho vay (ntđ)	778	984	1,288
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	55.4	65.3	78.5
Lợi nhuận thuần (ntđ)	22.6	25.9	31.4
BVPS (đồng)	13,923	16,540	19,840
EPS (đồng)	2,834	3,211	3,892
DPS (đồng)	331	227	300
T.trưởng cho vay KH (%)	26.9	26.5	31.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	17.1	17.9	20.1
Tăng trưởng EPS (%)	8.50	13.3	21.2
Tăng trưởng DPS (%)	15.6	(31.4)	32.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	11.7	7.08	7.71
ROAE (%)	22.1	21.1	21.4
ROAA (%)	2.18	2.03	1.92
Tỷ lệ NIM (%)	4.07	4.03	3.90
Tỷ lệ CIR (%)	30.7	29.0	29.3
Hệ số CAR (%)	11.0	10.2	9.46
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.62	1.56	1.50
LLR/nợ xấu (%)	92.9	82.3	86.0
Hệ số LDR (%)	109	112	107
P/B (lần)	1.75	1.48	1.23
P/E (lần)	8.61	7.60	6.27
Lợi suất cổ tức (%)	1.36	0.93	1.23

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

MBB là một ngân hàng có nguồn gốc từ quân đội và hiện sở hữu quy mô tài sản và tín dụng lớn nhất trong nhóm NH tư nhân. MBB hướng đến phát triển mô hình ngân hàng đa năng hàng đầu tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Đi ngang trong Q3 do chi phí dự phòng tăng cao, thấp hơn một chút so với dự báo

- LNTT Q3 đạt 7,3 nghìn tỷ đồng, giảm 0,8%, thấp hơn một chút so với dự báo do chi phí dự phòng tăng 132%, trong khi tổng thu nhập hoạt động tăng 23%.
- Tín dụng tăng 18,6% kể từ đầu năm và tăng 5,4% so với quý trước, sát với dự báo; huy động sơ cấp tăng 13,8% so với đầu năm và tăng 0,6% so với quý trước, thấp hơn dự báo của chúng tôi.
- Tỷ lệ NIM chỉ giảm 8 điểm cơ bản so với quý trước xuống 4,06% nhờ chi phí huy động đi ngang; thu nhập ngoài lãi tăng 14% với lãi thuần HĐ dịch vụ tăng mạnh; cho thấy HĐKD cốt lõi vững chắc. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ xấu tăng 27 điểm cơ bản so với quý trước lên 1,87% - cao hơn dự báo của chúng tôi.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 9% trong 1 tháng qua, MBB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,27 lần, cao hơn so với bình quân quá khứ nhưng thấp hơn so với bình quân nhóm NHTM tư nhân, mặc dù có hệ số ROE cao hơn. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2025 vào ngày 26/10/2025

MBB đã công bố LNTT Q3/2025 đạt 7,3 nghìn tỷ đồng, gần như đi ngang so với cùng kỳ (giảm 0,8%), hoàn thành 70% dự báo cả năm và thấp hơn một chút so với dự báo 9 tháng của chúng tôi. Lợi nhuận sụt giảm chủ yếu do chi phí dự phòng tăng 132% so với cùng kỳ trong khi tổng thu nhập hoạt động vẫn ở mức tốt (tăng 23% so với cùng kỳ). Chất lượng tài sản thấp hơn dự báo do nợ xấu gia tăng.

Tín dụng tăng 18,6% từ đầu năm, huy động tăng 13,8%

Tổng dư nợ tín dụng tăng 18,6% so với đầu năm (tăng 5,4% so với quý trước), nhờ tốc độ tăng trưởng đồng đều ở cả Ngân hàng mẹ và bình quân các Công ty con. Trong số các công ty con, tín dụng Mcredit tăng 10% so với đầu năm (đi ngang so với quý trước), trong khi dư nợ cho vay ký quỹ tại MB Securities (MBS, Chưa khuyến nghị) tăng 53% so với đầu năm (tăng 23% so với quý trước). Cơ cấu tín dụng theo ngành, ngành sản xuất, BĐS và cho vay bán lẻ đóng góp nhiều nhất vào tăng trưởng trong kỳ.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 27/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD, MBB

Chi phí dự phòng tăng mạnh trở thành yếu tố chính làm giảm lợi nhuận

	Q3/24	Q3/25	So với cùng kỳ	9T24	9T25	So với cùng kỳ	% HSCF
Thu nhập lãi thuần	10,417	12,991	24.7%	30,010	37,055	23.5%	73.9%
Thu nhập ngoài lãi	2,287	2,606	13.9%	8,840	11,110	25.7%	73.1%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	888	1,327	49.4%	3,188	4,478	40.5%	80.3%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	661	425	-35.7%	1,516	1,497	-1.3%	64.5%
Lãi tự doanh	54	(355)	N/m	2,029	1,357	-33.1%	62.9%
Thu nhập khác	678	1,198	76.7%	2,078	3,740	80.0%	73.6%
Thu nhập từ mua cổ phần	7	12	78.1%	30	40	30.9%	70.0%
Tổng thu nhập HĐ	12,704	15,597	22.8%	38,850	48,165	24.0%	73.7%
Chi phí HĐ	(3,756)	(4,545)	21.0%	(11,761)	(13,452)	14.4%	71.1%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	8,948	11,051	23.5%	27,089	34,713	28.1%	74.8%
Chi phí dự phòng	(1,640)	(3,802)	131.8%	(6,353)	(11,574)	82.2%	85.5%
LNTT	7,308	7,250	-0.8%	20,736	23,139	11.6%	70.4%
Lợi nhuận thuần	5,790	5,571	-3.8%	16,349	18,016	10.2%	69.7%

Nguồn: MBB, HSC

Đối với huy động, vốn huy động sơ cấp (tiền gửi khách hàng + giấy tờ có giá) tăng 13,8% so với đầu năm và tăng 0,6% so với quý trước. Hệ số LDR điều chỉnh tăng lên 100% (so với bình quân khoảng 96% trong 3 quý vừa qua). Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn duy trì ổn định ở mức khoảng 37%.

Nhìn chung, tăng trưởng về phía tài sản sát với dự báo, trong khi tăng trưởng vốn huy động không đạt kỳ vọng.

Tỷ lệ NIM giảm 8 điểm cơ bản so với quý trước trong khi chi phí huy động đi ngang

HSC dự báo tỷ lệ NIM giảm nhẹ theo quý do MBB nhiều khả năng đẩy mạnh cạnh tranh để hoàn thành kế hoạch tăng trưởng tín dụng, tuy nhiên mức độ sụt giảm của NIM thấp hơn so với dự báo nhờ chi phí huy động được kiểm soát tốt. Tỷ lệ NIM của MBB chỉ giảm 8 điểm cơ bản so với quý trước và giảm 17 điểm cơ bản kể từ đầu năm.

Chi phí huy động gần như đi ngang so với quý trước ở mức 3,3%, chỉ tăng 12 điểm cơ bản so với đầu năm – một trong những mức tăng thấp nhất trong ngành. Trong khi đó, lợi suất gộp giảm 10 điểm cơ bản so với quý trước và giảm 5 điểm cơ bản so với đầu năm. Lợi suất cho vay bình quân hồi phục 7 điểm cơ bản so với quý trước lên 7,78% (gần như đi ngang so với đầu năm).

Thu nhập ngoài lãi tăng 14% so với cùng kỳ nhờ lãi thuần HĐ dịch vụ và thu nhập từ thu hồi nợ xấu

Thu nhập ngoài lãi tăng 14% so với cùng kỳ nhờ lãi thuần HĐ dịch vụ tăng khoảng 50% và thu nhập khác tăng 77% (chủ yếu bao gồm thu nhập từ thu hồi nợ xấu). Lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối giảm 36%, nhiều khả năng do thị trường ngoại hối biến động gần đây. HĐ mua bán trái phiếu lỗ 355 tỷ đồng do lợi suất TPCP tăng lên.

Lãi thuần HĐ dịch vụ tăng lên là tín hiệu tích cực và vượt dự báo của chúng tôi, trong khi lỗ mua bán trái phiếu nằm ngoài kỳ vọng và không đạt dự báo của chúng tôi.

Tỷ lệ nợ xấu tăng lên 1,87%, chi phí dự phòng tăng mạnh so với cùng kỳ

Tỷ lệ nợ xấu tăng 27 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 25 điểm cơ bản so với cùng kỳ lên 1,87% trong Q3/2025 trong khi tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng nhẹ 7 điểm cơ bản so với quý trước lên 1,36%. Tại Ngân hàng mẹ, tỷ lệ nợ xấu trước CIC ở mức khoảng 1,5%, trong khi sau CIC ở mức 1,72%, cho thấy nợ liên đới có tác động đáng kể.

Đáng chú ý, tỷ lệ nợ nhóm 4 tăng lên có thể cho thấy việc tái cấu trúc lịch trình thanh toán ở một số doanh nghiệp lớn. Theo MBB, một doanh nghiệp trong ngành năng lượng được tái cấu trúc dự kiến sẽ trở lại Nhóm 1 trong Q4/2025 nếu thanh toán đúng hạn khoản vay theo lịch trả nợ mới.

Sức ép lên chất lượng tài sản tại Ngân hàng mẹ trong năm nay nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi nhưng với mức độ lớn hơn kỳ vọng. Trong khi đó, chất lượng tài sản của các Công ty con vẫn ổn định đúng như kỳ vọng.

Chi phí hoạt động tăng theo tốc độ tăng trưởng tổng thu nhập hoạt động

Tổng chi phí hoạt động tăng 21% so với cùng kỳ, tương đương tốc độ tăng trưởng tổng thu nhập hoạt động (tăng 23% so với cùng kỳ). Hệ số CIR ở mức 29,1%, thấp hơn một chút so với Q3/2024 (29,6%) và bình quân năm 2024 (29,8%).

Tỷ lệ chi phí hoạt động/dư nợ tín dụng giảm xuống mức thấp kỷ lục 1,9% từ 2,1% trong Q3/2024 & bình quân năm 202, phản ánh các biện pháp kiểm soát chi phí chặt chẽ.

Kết quả này cho thấy những nỗ lực kiểm soát chi phí của MBB. Tuy nhiên chúng tôi cho rằng Ngân hàng vẫn còn dư địa để tối ưu chi phí hoạt động, đặc

biệt là chi phí lao động, thông qua số hóa và thắt chặt kiểm soát chi phí tiền lương.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 9% trong 1 tháng qua, MBB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,27 lần, cao hơn 0,92 độ lệch chuẩn so với bình quân quá khứ ở mức 1,36 lần nhưng có hệ số ROE cao hơn ở mức khoảng 20%, so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 18,2%. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	69.1	69.1	86.6	109	145
Chi phí lãi	(30.5)	(27.9)	(36.4)	(47.3)	(66.2)
Thu nhập lãi thuần	38.7	41.2	50.1	62.1	78.4
Lãi thuần HĐ dịch vụ	4.09	4.37	5.58	6.69	8.18
Lãi thuần HĐ KDNH	1.21	2.00	2.32	2.80	3.64
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.84	4.56	2.16	1.55	2.08
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.06	0.05	0.06	0.06	0.06
Thu nhập khác	2.43	3.28	5.08	5.25	6.34
Tổng thu nhập HĐ	47.3	55.4	65.3	78.5	98.7
Chi phí HĐ	(14.9)	(17.0)	(18.9)	(23.0)	(28.3)
LN trước dự phòng	32.4	38.4	46.4	55.5	70.3
Chi phí dự phòng	(6.09)	(9.58)	(13.5)	(15.8)	(19.6)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	26.3	28.8	32.9	39.7	50.7
Chi phí thuế TNDN	(5.25)	(5.88)	(6.61)	(7.95)	(10.1)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.38)	(0.32)	(0.40)	(0.44)	(0.48)
Lợi nhuận thuần	20.7	22.6	25.9	31.4	40.1
EPS (đồng)	2,612	2,834	3,211	3,892	4,979
DPS (đồng)	286	331	227	300	351
Slg CP bình quân (triệu đv)	7,915	7,985	8,055	8,055	8,055
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	7,915	8,055	8,055	8,055	8,055
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	7,915	8,055	8,055	8,055	8,055

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	3.68	3.35	5.29	7.09	9.53
Tiền gửi tại NHNN	66.3	29.8	21.1	28.4	38.1
Tiền gửi tại các TCTD khác	46.3	76.8	87.6	97.1	147
Chứng khoán kinh doanh	44.3	7.93	2.96	3.87	5.08
Các công cụ tài chính phái sinh	0.14	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	601	766	971	1,271	1,663
Tổng dư nợ cho vay	613	778	984	1,288	1,684
Dự phòng rủi ro	(11.5)	(11.7)	(12.7)	(16.6)	(21.2)
Chứng khoán đầu tư	148	210	293	382	503
CK đầu tư sẵn sàng để bán	143	206	290	379	498
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	5.39	4.61	2.96	3.87	5.08
Dự phòng rủi ro	(0.48)	(0.48)	(0.60)	(0.65)	(0.71)
Đầu tư dài hạn	0.62	0.61	0.58	0.58	0.58
Tài sản cố định	5.09	5.66	6.06	6.56	7.06
Tài sản khác	29.2	29.0	32.7	41.4	54.1
Tổng tài sản	945	1,129	1,420	1,838	2,426
Nợ phải trả	848	1,012	1,282	1,673	2,227
Tiền gửi của NHNN	0.01	8.16	20.4	0.09	0.09
Tiền gửi của các TCTD khác	99.8	110	142	185	240
Tổng tiền gửi KH	568	714	877	1,206	1,715
Trái phiếu và CCTG	126	129	180	213	191
Nợ khác	54.4	50.1	61.1	69.2	80.5
Vốn chủ sở hữu	92.7	112	133	160	194
Vốn điều lệ	52.1	53.1	80.6	94.2	110
Thặng dư vốn cổ phần	0.87	1.30	1.30	1.30	1.30
Lợi nhuận giữ lại	25.6	40.7	29.4	38.4	51.9
Quỹ & vốn khác của CSH	14.2	17.1	21.9	25.9	30.7
Lợi ích cổ đông thiểu số	3.97	4.91	5.16	5.16	5.16
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	945	1,129	1,420	1,838	2,426
BVPS (đồng)	11,717	13,923	16,540	19,840	24,094

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	29.7	19.5	25.8	29.5	32.0
Tăng trưởng cho vay KH (%)	32.8	26.9	26.5	31.0	30.7
Tăng trưởng huy động KH (%)	27.9	25.8	22.9	37.4	42.2
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	28.5	21.5	25.4	34.2	34.3
Tăng trưởng VCSH (%)	22.1	20.9	18.8	20.0	21.4
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	7.39	6.38	21.8	24.0	26.1
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	0.66	14.0	11.2	21.5	23.2
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	5.25	18.6	20.8	19.6	26.8
Tăng trưởng LNTT (%)	15.7	9.59	14.0	20.9	27.7
Tăng trưởng LN thuần (%)	18.3	9.46	14.3	21.2	27.9

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.65	5.34	5.13	4.82	4.63
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.78)	(1.64)	(1.48)	(1.41)	(1.33)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	96.6	97.4	97.7	97.8	97.9
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.90	2.97	3.44	3.75	4.37
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	69.2	71.0	79.6	95.0	118

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	9.34	8.61	7.60	6.27	4.90
P/B (lần)	2.08	1.75	1.48	1.23	1.01
Lợi suất cổ tức (%)	1.17	1.36	0.93	1.23	1.44

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	43.7	40.8	39.6	40.0	40.7
ROAA (%)	2.47	2.18	2.03	1.92	1.88
ROAE (%)	24.5	22.1	21.1	21.4	22.7
Chi phí huy động BQ (%)	4.35	3.18	3.34	3.35	3.53
Lợi suất góp BQ (%)	8.56	6.84	6.95	6.87	6.92
Lợi suất thuần (%)	4.20	3.66	3.61	3.52	3.39
Tỷ lệ NIM (%)	4.79	4.07	4.03	3.90	3.75
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	8.64	7.88	8.54	8.52	8.29
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	81.8	74.3	76.7	79.2	79.4
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	9.59	17.9	14.7	12.3	12.3
Tỷ lệ CIR (%)	31.5	30.7	29.0	29.3	28.7
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	11.0	11.7	7.08	7.71	7.05

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	10.8	11.0	10.2	9.46	8.70
VCSH/Tổng TS (%)	9.81	9.94	9.38	8.69	8.00
Đòn bẩy vốn (lần)	10.2	10.1	10.7	11.5	12.5

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.60	1.62	1.56	1.50	1.40
Hệ số LLR (%)	118	92.9	82.3	86.0	89.8

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	108	109	112	107	98.2
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	12.6	11.6	11.8	11.5	11.2
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	64.9	68.9	69.3	70.1	69.4

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	299	319	325	330	340
Số lượng nhân viên	16,324	18,639	19,012	20,913	22,586

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP.HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn